

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THỰC HÀNH CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ VỀ AN TOÀN TIÊM CHỦNG TẠI 8 XÃ HUYỆN TIỀN HẢI NĂM 2011

NGÔ THỊ NHU - Đại học Y Thái Bình

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, công tác y tế huyện Tiền Hải nói chung, tiêm chủng mở rộng nói riêng luôn luôn là một trong những huyện dẫn đầu của tỉnh Thái Bình. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đã được nâng lên hàng năm. Năm 1990 tỷ lệ các mũi tiêm chủng luôn đạt trên 90%; từ đó tới nay hoạt động tiêm chủng mở rộng tiếp tục được duy trì, mở rộng và nâng cao. Nhưng qua quan sát thực tế buổi tiêm chủng được tổ chức tại các trạm y tế xã, thị trấn Tiền Hải cho thấy hoạt động tiêm chủng còn có một số tồn tại như: nhân viên y tế không rửa tay trước khi tiêm hoặc không đeo găng tay, không đeo khẩu trang khi tiêm, ... để tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến an toàn tiêm chủng như kiến thức của các bà mẹ và nhân viên y tế về an toàn tiêm chủng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với

mục tiêu sau: Đánh giá kiến thức, thực hành của nhân viên y tế về an toàn tiêm chủng tại 8 xã huyện Tiền Hải năm 2011

ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa bàn nghiên cứu

Cuộc điều tra được tiến hành tại 8 xã huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình: gồm các xã: Tây Sơn, Tây Giang, An Ninh, Phương Công, Nam Hưng, Đông Minh, Đông Long, và Đông Hoàng

2. Đối tượng nghiên cứu

Nhân viên y tế của 08 xã tham gia tiêm chủng (Trạm trưởng y tế, cán bộ phụ trách tiêm chủng, cán bộ thực hiện kỹ thuật tiêm chủng, cán bộ đón tiếp và phân loại đối tượng,...)

3. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang để xác định kiến thức của nhân viên y tế về an toàn trong tiêm chủng.

- Mẫu và chọn mẫu: Chọn toàn bộ cán bộ y tế tham gia buổi tiêm chủng của 8 xã thuộc huyện Tiên Hải

- Phương pháp thu thập số liệu: Phỏng vấn kiến thức, thực hành an toàn tiêm chủng của nhân viên y tế bằng bộ câu hỏi được chuẩn bị trước.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Thời gian tham gia công tác tiêm chủng của nhân viên y tế

Thời gian	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Dưới 1 năm	4	10,5
Từ 1 - 5 năm	13	34,2
Trên 5 năm	21	55,3
Tổng	38	100

Thời gian tham gia công tác TCMR của nhân viên y tế tại tuyến y tế cơ sở trên 5 năm là 55,3%; từ 1-5 năm là 34,2%; và có 10,5% tham gia công tác tiêm chủng dưới 1 năm. Số nhân viên y tế trên bao gồm 8 trạm trưởng, 8 chuyên trách tiêm chủng, còn lại 22 chuyên trách khác (bao gồm: dinh dưỡng, lao, an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường...)

Bảng 2. Tỷ lệ nhân viên y tế được tham gia tập huấn và đào tạo lại về tiêm chủng (n=38)

Tham gia tập huấn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có tham gia	27	71,1
Không tham gia	11	28,9

Kết quả bảng 2 cho thấy trong tổng số 38 cán bộ tham gia tiêm chủng có 27 người (71,1%) được tập huấn về tiêm chủng; còn 29,9% cán bộ tham gia tiêm chủng chưa được tập huấn tiêm chủng.

Bảng 3. Kiến thức của NVYT về bảo quản vắc xin, dung môi (n=38)

Kiến thức đúng	SL	%
Nhiệt độ bảo quản vắc xin	35	92,1
Khái niệm vắc xin đông băng	31	81,5
Vắc xin bị hỏng bởi ánh sáng	26	68,4
Chỉ thị nhiệt độ lọ vắc xin	22	57,8
Sử dụng dung môi	15	39,5
Bảo quản dung môi	29	76,3

Qua phỏng vấn 38 nhân viên y tế: Số nhân viên y tế có kiến thức đúng về khoảng nhiệt độ bảo quản vắc xin là 92,1%. Kiến thức đúng về khái niệm vắc xin đông băng là 81,5%. Kể tên đúng vắc xin dễ bị hỏng bởi ánh sáng là 68,4%. Kiến thức đúng về chỉ thị lọ vắc xin là 57,8%. Kiến thức đúng về sử dụng dung môi là 39,5%. Kiến thức đúng về bảo quản dung môi là 76,3%.

Bảng 4. Kiến thức của NVYT về vô khuẩn trong tiêm chủng (n= 38)

STT	Kiến thức đúng	SL	%
1	Không dùng bơm kim tiêm quá hạn	34	89,5
2	Không dùng BKT có bao bì thủng, rách	35	92,0
3	Dùng vắc xin pha hồi đúng thời gian	34	89,5
4	Rửa tay trước khi tiêm bằng xà phòng	37	97,4
5	Sử dụng khẩu trang	34	89,5
ĐKTTB/ĐTĐ			4,6/5

Kết quả bảng 4 cho thấy có 92% nhân viên y tế có kiến thức đúng về sử dụng bơm kim tiêm. Có 89,5% nhân viên y tế có kiến thức đúng về sử dụng vắc xin đã pha hồi chính. 97,4% nhân viên y tế có kiến thức đúng về rửa tay đúng quy trình tại buổi tiêm chủng. 89,5% nhân viên y tế có kiến thức đúng về sử dụng khẩu trang tại buổi tiêm chủng. Điểm kiến thức trung bình đạt 4,6.

Bảng 5. Kiến thức của NVYT về hủy bơm kim tiêm sau khi tiêm chủng (n= 38)

STT	Kiến thức đúng	SL	%
1	Bỏ BKT vào hộp an toàn	34	89,4
2	Không dùng tay đẩy nắp kim sau tiêm	34	89,4
3	Không dùng panh bề cong kim tiêm	33	86,8
4	Mục đích của sử dụng hộp an toàn	32	84,2
ĐKTTB/ĐTĐ			3,5/4

Kết quả bảng 5 cho thấy đa số nhân viên y tế có kiến thức đúng về sử dụng hộp an toàn, kiến thức đúng về mục đích sử dụng hộp an toàn tại buổi tiêm chủng là 84,2%. Điểm kiến thức trung bình đạt 3,5.

Bảng 6. Kiến thức của NVYT về đường tiêm đúng của các loại vắc xin (n= 38)

STT	Kiến thức đúng	SL	%
1	Đường tiêm của vắc xin BCG	31	81,6
2	Đường tiêm của vắc xin DPT	30	79,0
3	Đường tiêm của vắc xin sởi	30	79,0
4	Đường tiêm của vắc xin VNNB	26	68,4
5	Đường tiêm của vắc xin uốn ván	32	84,2

Kết quả bảng 6 cho thấy có 81,6% nhân viên y tế có kiến thức đúng về đường tiêm vắc xin BCG. Nhân viên y tế có kiến thức đúng về đường tiêm vắc xin DPT là 79%. Nhân viên y tế có kiến thức đúng về đường tiêm vắc xin sởi là 79%. Nhân viên y tế có kiến thức đúng về đường tiêm vắc xin VNNB (viêm não Nhật Bản B) là 68,4%. Nhân viên y tế có kiến thức đúng về đường tiêm vắc xin uốn ván 84,2%.

Bảng 7. Kiến thức của NVYT về liên quan đến CD và CCD (n= 38)

STT	Kiến thức đúng	SL	%
1	Khám trẻ trước khi tiêm	35	92,1
2	Biết loại trừ trẻ không đủ tiêu chuẩn tiêm	37	97,4
3	Biết được phản ứng thường gặp sau tiêm	34	89,4

Qua bảng 7 cho thấy đa số nhân viên y tế cho rằng việc khám phân loại cho trẻ trước khi tiêm chủng rất cần thiết (92,1%); 97,4% nhân viên y tế biết loại trừ trẻ không đủ tiêu chuẩn tiêm phòng.

Bảng 8. Thực hành về việc cần làm khi nhận vắc xin của NVYT (n= 38)

STT	Thực hành	SL	%
1	Kiểm tra tên vắc xin	25	65,8
2	Kiểm tra nhãn mác	26	68,4
3	Hạn sử dụng	24	63,2
4	Vắc xin đông băng	21	55,2
5	Chỉ thị nhiệt độ trên lọ vắc xin	20	52,6

Qua điều tra thấy rằng thực hành đúng khi nhận vắc xin của nhân viên y tế: kiểm tra tên vắc xin là 65,8%; kiểm tra nhãn mác là 68,4%; hạn sử dụng là 63,2%; vắc xin đông băng là 55,2%; chỉ thị nhiệt độ trên lọ vắc xin là 52,6%.

Bảng 9. Thực hành về vô khuẩn trong tiêm chủng của NVYT (n= 38)

Thực hành	SL	(%)
Không hút sẵn vắc xin vào BKT	34	89,4
Thời gian hủy vắc xin pha hồi chỉnh	32	84,2
Tư vấn bà mẹ xử lý tại vết tiêm sau tiêm chủng	36	94,7

Kết quả phỏng vấn 38 nhân viên y tế về thực hành vô khuẩn trong tiêm chủng: 89,4% cho rằng không hút sẵn vắc xin vào bơm kim tiêm, 84,2% nhân viên y tế thực hành đúng hủy vắc xin pha hồi chỉnh; 94,7% nhân viên y tế tư vấn đúng về tư vấn bà mẹ xử lý tại vết tiêm sau khi tiêm chủng.

Bảng 10. Thực hành về xử lý bơm kim tiêm sau khi sử dụng của NVYT (n= 38)

Thực hành	SL	%
Xử lý BKT sau khi sử dụng nếu không có hộp an toàn	33	86,8
Cách sử dụng hộp an toàn	22	57,9
Dùng tay đậy nắp kim tiêm sau khi sử dụng	3	7,9

Kết quả phỏng vấn cho thấy nhân viên y tế thực hành đúng về xử lý bơm kim tiêm sau khi tiêm chủng: khi không có hộp an toàn là 86,8%, cách sử dụng hộp an toàn là 57,9%. Tuy nhiên vẫn còn 7,9% nhân viên y tế vẫn dùng tay đậy nắp kim tiêm sau khi sử dụng mới bỏ vào hộp an toàn.

Bảng 11. Thực hành CĐ và CCĐ của nhân viên y tế (n= 38)

Thực hành đúng	SL	%
Khám trẻ trước khi tiêm	31	81,6
Loại trừ trẻ không đủ tiêu chuẩn tiêm	30	78,9

Kết quả bảng 11 cho thấy 81,6% nhân viên y tế thực hành đúng phân loại trẻ trước khi tiêm; 78,9% nhân viên y tế chỉ định đúng tiêm chủng cho trẻ.

KẾT LUẬN

Qua kết quả nghiên cứu chúng tôi có một số kết luận sau: 71,1% nhân viên y tế tham gia tiêm chủng được tập huấn; Kiến thức về bảo quản dung môi và vắc xin đạt từ 39,5% đến 92,1%; Kiến thức vô khuẩn đạt từ 89,5% đến 97,4%; kiến thức về đường tiêm đúng đạt từ 68,4% đến 81,6%. Thực hành có 81,6% nhân viên y tế có phân loại trẻ trước khi tiêm chủng; trên 60% nhân viên y tế có kiểm tra tên và nhãn mác của vắc xin; 89,4% nhân viên y tế không hút sẵn vắc xin vào bơm kim tiêm; tuy nhiên chỉ có 57,9% nhân viên y tế sử dụng hộp an toàn đúng và 52,6% nhân viên y tế có kiểm tra chỉ thị nhiệt độ trên lọ vắc xin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ y tế (2008), Quy định về sử dụng vắc xin và sinh phẩm y tế, Ban hành kèm theo quyết định số 23/2008/QĐ-BYT ngày 07/07/2008 của Bộ trưởng Bộ y tế.
- Dự án tiêm chủng mở rộng quốc gia, chương trình áp dụng công nghệ thích hợp trong y tế (PATH) và đại học tổng hợp Melbourne (2004), Điều tra hộ gia đình về kiến thức thái độ và thực hành trong tiêm chủng ở tỉnh Hà Tĩnh, tr.5-28
- Dự án tiêm chủng mở rộng – Tổ chức PATH (năm 2007), Tài liệu giám sát hỗ trợ trong tiêm chủng mở rộng, tài liệu hướng dẫn cán bộ y tế (dựa theo hướng dẫn của tổ chức Y tế thế giới). Giấy phép xuất bản số 171 – 2007/CXB/9-33/LĐXH, tr.6-13, 18-25.
- Dự án tiêm chủng mở rộng quốc gia (2008), Quản lý tiêm chủng mở rộng. Tài liệu hướng dẫn cán bộ y tế (dựa theo hướng dẫn của tổ chức y tế thế giới, Quý nhi đồng liên hiệp quốc, PATH, nhóm kỹ thuật về tiêm chủng), tr.4 -75.
- Cục y tế dự phòng (07/07/2006), "Lợi ích, tầm quan trọng của tiêm chủng và các tác dụng phụ của vắc xin" <http://www.moh.gov.vn/homeyvt/vn/portal/>